**NỘI DUNG GỢI Ý GÓP Ý DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG,**

**CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

*Tập trung các nội dung mới so với Thông tư 44/2011/TT-NHNN*

**Đơn vị góp ý: ……………………………………………………**

**Góp ý có thể tập trung (nhưng không giới hạn) vào các vấn đề sau:**

* Các nội dung quy định có **hợp lý** không, nếu không, vui lòng nêu lý do;
* Các vấn đề khác dự kiến phát sinh **vướng mắc** khi văn bản được triển khai thực hiện;
* **Đề xuất, kiến nghị** nhằm hoàn thiện các quy định chưa phù hợp.

**Phương thức góp ý: theo đường Công văn hoặc điền vào mẫu dưới đây.**

Để góp ý được đầy đủ và chính xác, rất mong Quý Doanh nghiệp/Hiệp hội theo dõi toàn văn Dự thảo trên website của VCCI tại địa chỉ: www.vibonline.com.vn - Mục Dự thảo.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VẤN ĐỀ** | **NỘI DUNG DỰ THẢO** | **Ý KIẾN GÓP Ý**  **(Đồng ý/ không đồng ý? Lý do?)** |
| **Đối tượng áp dụng (Điều 1)** | Ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài; Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính. |  |
| **Giải thích từ ngữ (Điều 3)** | Giám sát của quản lý cấp cao, văn hóa kiểm soát, vốn kinh tế, kiểm tra sức chịu đựng, khẩu vị rủi ro, trạng thái rủi ro, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động…mức độ trọng yếu, bộ phận kiểm soát nội bộ, bộ phận quản lý rủi ro, giao dịch muộn, sổ kinh doanh… |  |
| **Báo cáo NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ** | Lưu trữ tài liệu về hệ thống kiểm soát nội bộ; Báo cáo NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm các báo cáo: báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá kiểm soát nội bộ & báo cáo đánh giá nội bộ mức độ đủ vốn; báo cáo quản lý rủi ro; báo cáo kiểm toán nội bộ (Điều 6) |  |
| **Giám sát của quản lý cấp cao** | **Yêu cầu đối với giám sát của quản lý cấp cao**  **Cơ cấu tổ chức giám sát của quản lý cấp cao**  **Giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ/đối với quản lý rủi ro/đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn/đối với kiểm toán nội bộ** |  |
| **Kiểm soát nội bộ** | **Yêu cầu, nguyên tắc của kiểm soát nội bộ**  **Hoạt động kiểm soát nội bộ:** Hoạt động kiểm soát nội bộ được tổ chức đảm bảo nguyên tắc ba (03) tuyến bảo vệ (1) Các cá nhân, bộ phận trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng, đối tác và tạo ra doanh thu (2) Các cá nhân, bộ phận hỗ trợ hoạt động kiểm soát nội bộ (3) Các cá nhân, bộ phận thực hiện kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. |  |
| **Bộ phận tuân thủ** | **Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có bộ phận tuân thủ;**  Tổ chức và hoạt động của bộ phận tuân thủ phải đảm bảo các **yêu cầu tối thiểu** sau:  a) Có đầy đủ nguồn lực, thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ;  b) Trưởng bộ phận tuân thủ làm việc theo chế độ chuyên trách, có kiến thức, hiểu biết về pháp luật và nghiệp vụ ngân hàng;  c) Độc lập với bộ phận quản lý, bộ phận kinh doanh để tránh xung đột lợi ích trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;  ...  e) Trình Ban điều hành ban hành Sổ tay hướng dẫn tuân thủ đối với các hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và sửa đổi, bổ sung Sổ tay hướng dẫn tuân thủ khi cần thiết; |  |
| **Hệ thống thông tin quản lý** | **Phải có hệ thống thông tin quản lý để cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, ngân hàng mẹ, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các bộ phận liên quan để thực hiện kiểm soát nội bộ, tối thiểu gồm:**  a) Kết quả theo dõi, phân tích và dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính, tiền tệ, môi trường pháp lý và lĩnh vực khác có liên quan;  b) Báo cáo cập nhật về tình hình tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Kết quả theo dõi, giám sát, cập nhật tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Kết quả giám sát, đánh giá, phân tích các tài sản, nợ phải trả, cơ cấu vốn chủ sở hữu,kế hoạch vốn và rủi ro phát sinh trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Kết quả đánh giá nội bộ về mức đủ vốn, báo cáo nội bộ về các loại rủi ro và kết quả kiểm tra sức chịu đựng.  **Hệ thống thông tin quản lý phải đảm bảo:**  a) Thông tin dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời và được hỗ trợ bởi hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp;  b) Theo dõi liên tục và báo cáo đầy đủ, kịp thời các rủi ro trọng yếu trong tất cả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 35, khoản 8 Điều 40, khoản 2 Điều 47, khoản 4 Điều 51 Thông tư này và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Có các giả định, nguồn cơ sở dữ liệu và các quy trình để đo lường và theo dõi rủi ro được quy định bằng văn bản và được kiểm tra độ tin cậy thường xuyên và liên tục;  d) Có các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, được giám sát độc lập và có các hệ thống dự phòng để đảm bảo việc lưu trữ, sử dụng thông tin được lưu trữ, sử dụng với định dạng điện tử được an toàn, hiệu quả và không bị gián đoạn;  đ) Cung cấp các báo cáo, mẫu trao đổi thông tin để theo dõi các trạng thái rủi ro, việc tuân thủ chính sách quản lý rủi ro, hạn mức rủi ro, mục tiêu kinh doanh (so sánh tình hình thực tế với dự kiến) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  e) Cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về việc thực hiện hoạt động kiểm soát nội bộ định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này cho cấp có thẩm quyền khi đưa ra quyết định;  g) Cung cấp đầy đủ các thông tin để nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới. |  |
| **Cơ chế trao đổi thông tin** | **Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có cơ chế trao đổi thông tin đảm bảo mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận, đơn vị được thông báo, phổ biến, tuyên truyền về hệ thống kiểm soát nội bộ để hiểu rõ, nhận thức thống nhất, đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu kinh doanh, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.**  **Cơ chế trao đổi thông tin phải được quy định tại quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đáp ứng các yêu cầu sau:**  a) Thông tin về mục tiêu, chiến lược, chính sách, quy trình được trao đổi từ cấp cao xuống cấp dưới, các cá nhân có liên quan;  b) Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ, kết quả hoạt động được trao đổi từ cấp dưới lên cấp cao, kể cả Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, ngân hàng mẹ, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành để nắm rõ các trạng thái rủi ro, tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Thông tin về hoạt động mới, sản phẩm mới và tổn thất, gian lận, nguy cơ xảy ra tổn thất, gian lận được trao đổi kịp thời cho kiểm toán nội bộ;  d) Tần suất trao đổi thông tin đảm bảo nguyên tắc rủi ro càng cao thì trao đổi thông tin càng thường xuyên. |  |
| **Yêu cầu về quản lý rủi ro** | * Yêu cầu chung đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Điều 18) * Đối với **tổ chức tín dụng có công ty con**, tổ chức tín dụng thực hiện quản lý rủi ro đảm bảo quản lý thống nhất và toàn diện các rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và các rủi ro khác được xác định là rủi ro có mức độ trọng yếu trong hoạt động của công ty con * **Chi nhánh ngân hàng nước ngoài** được áp dụng hệ thống quản lý rủi ro của ngân hàng mẹ khi tuân thủ các thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị rủi ro và được sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết) để phù hợp với điều quy mô, điều kiện, mức độ phức tạp trong hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và môi trường kinh doanh, quy định pháp luật tại Việt Nam. |  |
| **Bộ phận quản lý rủi ro** | * **Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của chi nhánh ngân hàng nước ngoài do ngân hàng mẹ quyết định và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản**: Ngân hàng mẹ có hồ sơ đề nghị chấp thuận cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. **Trong vòng 30 ngày** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, NHNN có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận |  |
| Chính sách quản lý rủi ro | * **Chính sách quản lý rủi ro tối thiểu** (Khoản 1, Điều 20) * **Khẩu vị rủi ro tối thiểu** gồm:   (i) Chỉ tiêu về lợi nhuận  (ii) Chỉ tiêu về vốn  (iii) Chỉ tiêu về kinh doanh   * **Chính sách quản lý rủi ro phải đảm bảo các yêu cầu:**   a) Được lập cho thời gian tối thiểu là **ba năm** nhưng không quá **năm năm** và phải được rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung (nếu có) theo định kỳ hằng năm hoặc định kỳ ít hơn do tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định;  b) Phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Phải xác định tất cả các rủi ro trọng yếu để làm cơ sở cho việc xây dựng và vận hành hệ thống quản lý rủi ro;  d) Được điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thay đổi của môi trường kinh doanh, khuôn khổ pháp lý liên quan đến tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Có tính kế thừa, liên tục để bảo đảm tính khả thi qua các chu kỳ kinh tế;  e) Đảm bảo có đủ nguồn lực (tài chính, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin quản lý và con người) để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro;  g) Có quy trình xây dựng chính sách quản lý rủi ro được quy định bằng văn bản phù hợp với thẩm quyền, trách nhiệm và năng lực của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, ngân hàng mẹ, Ban kiểm soát, Ban điều hành, bộ phận quản lý rủi ro và các bộ phận liên quan đến rủi ro theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật. |  |
| Hạn mức rủi ro | * Hạn mức rủi ro (bao gồm hạn mức rủi ro định tính, hạn mức rủi ro định lượng) được quy định bằng văn bản do Ban Điều hành ban hành theo thẩm quyền tối thiểu gồm các nội dung: Hạn mức rủi ro; thay đổi hạn mức rủi ro; trường hợp ngoại lệ không tuân thủ hạn mức rủi ro; chế tài và quy trình xử lý đối với các trường hợp vi phạm hạn mức rủi ro.   **Hạn mức rủi ro của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo**:  a) Được **xác định trên cơ sở khẩu vị rủi ro, đo lường rủi ro** cho các hoạt động kinh doanh, các bộ phận kinh doanh, cá nhân tham gia vào các giao dịch có rủi ro;  b) Phù hợp lợi ích cổ đông của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ; quyền lợi người gửi tiền và các lợi ích hợp pháp khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật;  c) Tuân thủ các quy định của pháp luật;  d) Phải được rà soát, đánh giá lại tối thiểu một năm một lần hoặc vào thời điểm có những thay đổi lớn (mang tính chủ quan và khách quan) ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; |  |
| Quản lý rủi ro đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới | * Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có quy định nội bộ về cung cấp sản phẩm mới * Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng kế hoạch kinh doanh trước khi cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới. Kế hoạch kinh doanh được lập thành văn bản và được bộ phận quản lý rủi ro thẩm định trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt   **Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ cung cấp chính thức các sản phẩm mới, hoạt động chính thức trong thị trường mới khi đảm bảo các yêu cầu sau:**  a) Kết thúc giai đoạn thử nghiệm và kết quả thử nghiệm đáp ứng được các yêu cầu đề ra;  b) Ban hành đầy đủ các quy trình nghiệp vụ có liên quan đến sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới;  c) Có đầy đủ các quy trình nhận dạng, đo lường, đánh giá, theo dõi và kiểm soát các rủi ro trọng yếu phát sinh từ việc cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới. Điều 24. Nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi roĐiều 25. Kiểm tra sức chịu đựng |  |
| **QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG** | **Điều 26. Chính sách, hạn mức quản lý rủi ro tín dụng**  **Điều 27. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ**  **Điều 28. Đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro tín dụng**  **Điều 29. Kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng**  **Điều 30. Thẩm định tín dụng** Điều 31. Phê duyệt quyết định tín dụng **Điều 32. Quản lý tín dụng**  **Điều 33**. **Quản lý tài sản bảo đảm** Điều 34. Quản lý khoản cấp tín dụng có vấn đề **Điều 35. Báo cáo nội bộ về rủi ro tín dụng** |  |
| QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG | Điều 36. Nội dung chính sách quản lý rủi ro thị trường **Điều 37. Quy trình quản lý rủi ro thị trường**  **Điều 38. Hạn mức rủi ro thị trường** Điều 39. Đo lường, theo dõi rủi ro thị trườngĐiều 40. Kiểm soát rủi ro thị trường trên sổ kinh doanh |  |
| QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG | Điều 41. Nội dung chính sách quản lý rủi ro hoạt độngĐiều 42. Nhận dạng, đo lường, kiểm soát rủi ro hoạt động **Điều 43. Hạn mức rủi ro hoạt động**  **Điều 44. Quản lý rủi ro hoạt động đối với hoạt động thuê ngoài, quy trình công nghệ**  **Điều 45. Mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất do rủi ro hoạt động** Điều 46. Kế hoạch duy trì hoạt động liên tụcĐiều 47. Báo cáo nội bộ về rủi ro hoạt động |  |
| **QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN** | **Điều 48. Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản** Điều 49. Quy trình quản lý rủi ro thanh khoản **Điều 50. Hạn mức rủi ro thanh khoản**  **Điều 51. Đo lường và kiểm soát rủi ro thanh khoản** |  |
| **QUẢN LÝ RỦI RO TẬP TRUNG** | **Điều 52. Chính sách quản lý rủi ro tập trung**  **Điều 53. Hạn mức rủi ro tập trung**   * **Điều 54. Nhận dạng, đo lường, kiểm soát rủi ro tập trung** |  |
| **QUẢN LÝ RỦI RO LÃI SUẤT TRÊN SỔ NGÂN HÀNG** | **Điều 55. Chính sách, hạn mức quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng**  **Điều 56. Quy trình quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng**  **Điều 57. Đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng**  **Điều 58. Kiểm soát rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng** |  |
| **ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ VỀ MỨC ĐỦ VỐN** | **Điều 59. Yêu cầu, nội dung, cơ cấu tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ mức độ đủ vốn**  **Điều 60. Xác định vốn mục tiêu**  **Điều 61. Kiểm tra sức chịu đựng về vốn**  **Điều 62. Lập kế hoạch vốn**  **Điều 63. Đánh giá độc lập đối với quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn** |  |
| **KIỂM TOÁN NỘI BỘ** | **Điều 64. Yêu cầu đối với kiểm toán nội bộ**  **Điều 65. Nguyên tắc của kiểm toán nội bộ**  **Điều 66. Yêu cầu nhằm đảm bảo tuân thủ nguyên tắc của kiểm toán nội bộ**  **Điều 67. Nhiệm vụ của Bộ phận kiểm toán nội bộ**  **Điều 68. Quyền hạn của bộ phận kiểm toán nội bộ**  **Điều 69. Trách nhiệm của Bộ phận kiểm toán nội bộ**  **Điều 70. Trách nhiệm của các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp đối với kiểm toán nội bộ** |  |
| **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ** | **Điều 71. Tổ chức của kiểm toán nội bộ**  **Điều 72. Tiêu chuẩn đối với kiểm toán viên nội bộ, Trưởng kiểm toán nội bộ và Phó trưởng kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng**  **Điều 73. Phạm vi, nội dung hoạt động của kiểm toán nội bộ**  **Điều 74. Quy định nội bộ về kiểm toán nội bộ**  **Điều 75. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp về kiểm toán nội bộ**  **Điều 76. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm**  **Điều 77. Kiểm toán nội bộ đối với kiểm soát nội bộ**  **Điều 78. Kiểm toán nội bộ đối với quản lý rủi ro** Điều 79. Kiểm toán nội bộ đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn |  |